

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU,  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Hồng Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Quốc Cường

Bà Trương Tuyết Thoa

**- Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số 556/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc H. Sinh năm: 1971. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Thành T. Sinh năm: 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Ngọc H trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và ông Lê Thành T kết hôn năm 1989 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm vào năm 2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Lê Thành T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoài Nam, sinh năm 1995, hiện cháu Nam đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Thành T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Thành T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đối với bà Lê Ngọc H là nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông T là đúng quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Lê Ngọc H xin ly hôn với ông Lê Thành T, thấy rằng: Bà H và ông T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Nay bà H xác định bà không còn tình cảm với ông T, vợ chồng đã ly thân hơn 4 năm nay nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Để tạo điều kiện cho bà H, ông T hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà H, việc này cho thấy ông T cũng không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết, bà H kiên quyết xin ly hôn với ông T. Xét thấy, hôn nhân của bà H, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H về việc xin ly hôn với ông Lê Thành T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoài Nam, sinh ngày 27/7/1995, hiện cháu Nam đã trưởng thành và có gia đình riêng và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Ngọc H xin ly hôn với ông Lê Thành T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoài Nam, sinh ngày 27/7/1995, hiện cháu Nam đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, ngày 12/10/2022, bà H nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002156 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Bà H, ông T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hồng Xuyên**